

1. A. Math B. Name C. English D. Vietnamese
2. A. Where B. What C. Why D. Can
3. A. Country B. Singapore C. China D. Australia
4. A. Cook B. Play C. Go D. Would
5. A. Birthday B. Monday C. Friday D. Thursday
6. A. Was B. Am C. Is D. Are
7. A. On B. To C. Be D. For
8. A. Japanese B. America C. Cambodia D. Malaysia

Exercise 2: Cho dạng đúng của các động từ sau

1. He can (climb) _____ the trees.
2. When (be) _____ your birthday?
3. I (stay) _____ at home yesterday.
4. What _____ they (do) _____ now?
5. They (play) _____ the piano now.
6. Today she (have) _____ English and history.
7. What day (be) _____ it today?
8. Tommy and Vicky (be) _____ from Korea.

Exercise 3: Nói câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B

A	B
1. What is Mr. Long doing?	a, Yes, he can.

2. When is his birthday?	b , I am from Vietnam.
3. Where are you from?	c , I like dancing and singing.
4. Where were you yesterday?	d , His birthday is in October.
5. Can he cook?	e , She is Japanese.
6. What is Hanna's nationality?	f , I was at home yesterday.
7. What do they have on Wednesday?	g , He is teaching a lesson.
8. What do you like doing?	h , They have Math and PE.

Exercise 4: Hoàn thành hội thoại dựa vào các từ cho trước

do name What an too

Bob: Hi. I'm Bob. What's your (1) _____?

Clara: My name is Clara. Nice to meet you.

Bob: Nice to meet you, (2) _____.

Clara: What is your nationality?

Bob: I'm American. (3) _____ about you?

Clara: I'm English. Can you sing (4) _____ English song?

Bob: Yes, I can. I can sing and dance. Do you like playing the guitar?

Clara: Yes, I (5) _____. I want to learn to play it.

Bob: I can teach you.

Clara: That's great.

Exercise 5: Sắp xếp các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh

1. you/ subjects/ today/ What/ have/ do?

_____?

2. Can/ football/ you/ play?

_____?

3. email/ an/ I/ writing/ am.

_____.

4. She/ very/ cooking/ much/ likes.

_____.

Đáp án

Exercise 1:

1. B	2. D	3. A	4. D
5. A	6. A	7. C	8. A

Exercise 2:

1. Climb	2. Is	3. Stayed	4. Are-doing
5. Are playing	6. Has	7. Is	8. Are

Exercise 3:

1 - g	2 - d	3 - b	4 - f
5 - a	6 - e	7 - h	8 - c

Exercise 4:

1. name

Câu hỏi tên bạn là gì là “what’s your name?”

2. too

“Too” có nghĩa là “cũng”, dùng khi nhắc lại ý giống ng trước.

3. What

Để hỏi người kia cùng câu hỏi, ta dùng “what about you?” (còn bạn thì sao?)

4. an

An đứng trước nguyên âm “e” của từ English.



5. do

Câu hỏi là do thì câu trả lời cũng phải là do.

Exercise 5:

1. What subjects do you have today?
2. Can you play football?
3. I am writing an email.
4. She likes cooking very much.